TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 14/2022/Q□ST- DS	*Ứng Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ- ƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ□ơng sự:

***Nguyên đơn:** Công ty A

Trụ sở: 22 HV, phường LTT, quận HK. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn T - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng B

Trụ sở: Tầng 19, CT, 109 THĐ, HK, Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trịnh Minh Đ – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Ngân hàng B. (*Theo giấy ủy quyền số 10/2020/UQ-BĐI ngày 04/4/2022 của Ngân hàng B*).

***Bị đơn:**

- Ông Trịnh Văn S, sinh năm 1964. Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1967. Có mặt

Đều có nơi ĐKHKTT: thôn ĐX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Bà S1 ủy quyền cho ông S)

2. Sự thoả thuận của các đ□ơng sự cụ thể nh□ sau:

2.1. Xác nhận nợ: Bị đơn hộ kinh doanh Trịnh Văn S cùng vợ chồng ông Trịnh Văn S bà Nguyễn Thị S1 (*gọi tắt là vợ chồng S S1)* xác nhận có vay vốn Ngân hàng B (*viết tắt là: Ngân hàng*) thông qua việc ký kết hợp đồng tín dụng số 0130/2011/GPBBĐ/HĐ ngày 23/3/2011, Số tiền vay: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng chẵn); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động chế biến và kinh doanh các loại gỗ nguyên liệu. Theo đó, cùng ngày vợ chồng S S1 đã nhận giải ngân từ ngân hàng tổng số tiền 2.000.000.000 đồng như đã nêu trên theo khế ước nhận nợ số 01.0130/2011/GPBBĐ/KU. Ngoài ra trong Hợp đồng tín dụng, và khế ước nhận nợ kiêm cam kết trả nợ đều có các thỏa thuận khác như thời hạn vay, lãi suất, thay đổi lãi suất, tài sản bảo đảm…. và các thỏa thuận khác. Vợ chồng S S1 xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng tổng số tiền nợ lãi quá hạn *(tạm tính đến hết ngày 23/6/2022)* là 4.166.219.761 đồng (*Bốn tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm mười chín nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng*). Tài sản thế chấp ông bà đã bàn giao và Ngân hàng đã bán phát mại thu tiền trừ vào dư nợ của vợ chồng ông nên khoản nợ còn lại này không có tài sản bảo đảm. Do kinh tế gia đình bị thua lỗ nên vợ chồng ông bà không trả được nợ cho Ngân hàng.

2.2 Các bên thoả thuận về thời hạn, ph□ơng thức thanh toán nh□ sau:

- Phương thức và thời gian trả nợ: Chậm nhất đến hết ngày 03/02/2023, vợ chồng ông S bà S1 có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 23/6/2022 là 4.166.219.761 đồng *(Bốn tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm mười chín nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng)*.

- Trường hợp vợ chồng ông S bà S1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của vợ chồng S S1 để thu hồi nợ.

- Về chi phí tố tụng: Ngân hàng chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 56.083.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV A (VAMC) 56.000.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu đồng)* số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057429 ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện □ng Hoà.

3. Tr- ờng hợp quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án; v/p.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Trung